

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	13 - 46

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Thành Đông	Thành viên
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/3/2024)
Ông Lê Huy Hải	Thành viên (Bầu ngày 15/3/2024)

**Ban Kiểm soát**

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Thành Đông	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27/6/2024)
Ông Lê Huy Hải	Quyền Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 27/6/2024)
Ông Lê Huy Hải	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 16/7/2024)
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc	

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Huy Hải**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Số: 108/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV4

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 22/8/2024, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như trình bày tại Mục 5.2.b, Phần 5, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào hai Công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật với giá trị ghi sổ tại ngày 30/6/2024 lần lượt là 186.946.683.204 VND và 35.893.995.830 VND (tại ngày 31/12/2023 có giá trị là 186.946.683.204 VND và 35.893.995.830 VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa đánh giá sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào hai Công ty con này. Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2024 và ngày 31/12/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Mục 4, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Như trình bày tại Mục 5.20.b, Phần 5, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Vốn Điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND. Tại ngày 30/6/2024, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là 1.418.634.488.001 VND, chênh lệch là (1.280.511.999) VND so với Vốn Điều lệ đăng ký. Chênh lệch này là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và 4 Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn Điều lệ đăng ký theo quy định.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.



**Nguyễn Tài Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 10/01/2024 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>274.979.773.328</b>	<b>255.546.243.552</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.174.630.576</b>	<b>5.917.239.579</b>
1. Tiền	111		674.630.576	5.917.239.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>30.372.052.075</b>	<b>34.372.052.075</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.372.052.075	34.372.052.075
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>204.222.363.518</b>	<b>149.222.984.412</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	189.928.592.653	143.575.817.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	15.998.356.072	3.495.906.748
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		637.500.000	637.500.000
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	3.000.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	7.510.704.035	8.366.549.523
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(9.852.789.242)	(9.852.789.242)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>31.191.979.797</b>	<b>60.397.030.487</b>
1. Hàng tồn kho	141		31.191.979.797	60.397.030.487
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.018.747.362</b>	<b>5.636.936.999</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	2.862.452	9.518.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.581.563.236	5.054.241.217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	434.321.674	573.177.023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.241.561.348.445</b>	<b>1.235.395.185.782</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.875.000.000</b>	<b>6.037.500.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	13.837.500.000	6.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	37.500.000	37.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.437.220.369</b>	<b>27.646.083.411</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	26.437.220.369	27.646.083.411
- Nguyên giá	222		48.729.426.021	48.729.426.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.292.205.652)	(21.083.342.610)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>20.355.040.079</b>	<b>20.708.192.921</b>
- Nguyên giá	231		24.131.015.298	24.131.015.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.775.975.219)	(3.422.822.377)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>1.180.460.941.347</b>	<b>1.180.460.941.347</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.718.555.006	17.718.555.006
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>433.146.650</b>	<b>542.468.103</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	433.146.650	542.468.103
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.516.541.121.773</b>	<b>1.490.941.429.334</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>97.399.981.960</b>	<b>71.491.871.157</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>97.399.981.960</b>	<b>71.491.871.157</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	26.593.302.140	33.557.510.907
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	29.340.244.532	3.214.655.293
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	73.906.696	65.523.707
4. Phải trả người lao động	314		1.016.943.237	3.077.505.694
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	5.972.542.714	5.970.633.670
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	262.750.001	780.522.727
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	18.846.343.447	18.718.658.394
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	14.064.806.303	5.370.003.547
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.229.142.890	736.857.218
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1.419.141.139.813</b>	<b>1.419.449.558.177</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>1.419.141.139.813</b>	<b>1.419.449.558.177</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		506.651.812	815.070.176
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		732.024	732.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		505.919.788	814.338.152
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.516.541.121.773</b>	<b>1.490.941.429.334</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Lê Huy Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024	kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	144.803.344.380	87.095.005.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10		144.803.344.380	87.095.005.784
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	140.137.468.589	76.201.087.720
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		4.665.875.791	10.893.918.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.628.170.540	1.851.060.010
7. Chi phí tài chính	22	6.4	114.204.212	161.200.597
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.204.212	160.404.637
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.803.495.807	12.461.783.404
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	30		(4.623.653.688)	121.994.073
11. Thu nhập khác	31	6.6	5.302.249.791	1.903.289.903
12. Chi phí khác	32	6.7	-	1.281.104.079
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40		5.302.249.791	622.185.824
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	50		678.596.103	744.179.897
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	172.676.315	201.719.454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		505.919.788	542.460.443

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Huy Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024	kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		678.596.103	744.179.897
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.562.015.884	1.551.695.236
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(59.104.417)	(14.166.186)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.475.283.792)	(1.951.962.100)
Chi phí lãi vay	06		114.204.212	160.404.637
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		820.427.990	490.151.484
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(57.935.752.360)	40.829.533.203
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		29.205.050.690	16.870.815.754
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16.389.739.315	(37.138.018.650)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		115.977.760	(293.613.664)
Tiền lãi vay đã trả	14		(111.070.510)	(94.518.857)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.915.148)	(136.856.663)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(318.812.480)	(1.148.377.563)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(11.867.354.743)</i>	<i>19.379.115.044</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(198.900.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.550.000.000)	(36.872.052.075)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.712.500.000	11.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.257.086.542	1.950.927.579
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>1.419.586.542</i>	<i>(23.620.024.496)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		16.106.565.141	13.037.891.130
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.411.762.385)	(11.793.768.680)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>8.694.802.756</i>	<i>1.244.122.450</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024	kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.752.965.445)	(2.996.787.002)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	5.917.239.579	10.882.535.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.356.442	(9.829.462)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.174.630.576	7.875.919.405

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Huy Hải

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là: 63 người (tại ngày 31/12/2023 là 65 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<b>I. Công ty con</b>			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư,...	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực; Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng.	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình; Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí.	51%	51%
<b>II. Công ty liên doanh, liên kết</b>			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn, dự án đầu tư.	20%	20%
<b>III Đơn vị trực thuộc</b>			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (*)	Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	100%	100%

(\*) Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc) tạm ngừng hoạt động trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 30/11/2024 căn cứ theo Quyết định số 959/QĐ-MIE-TCNS ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và Giấy xác nhận tạm ngừng hoạt động của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/11/2023.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính Văn phòng Tổng Công ty giữa niên độ, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Quyết toán Cổ phần hóa**

Tại ngày phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác (Tiếp theo)*

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà

**Số năm**

40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)*****Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

***Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp và chủ yếu hoạt động tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	129.239.654	255.762.567
Tiền gửi ngân hàng	545.390.922	5.661.477.012
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>4.174.630.576</b>	<b>5.917.239.579</b>

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.372.052.075</b>	<b>30.372.052.075</b>	<b>34.372.052.075</b>	<b>34.372.052.075</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)</i>				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	21.000.000.000	21.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (**)	9.372.052.075	9.372.052.075	9.372.052.075	9.372.052.075
<b>Tổng</b>	<b>30.372.052.075</b>	<b>30.372.052.075</b>	<b>34.372.052.075</b>	<b>34.372.052.075</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng - 12 tháng, lãi suất từ 3,1 %/năm - 4,5 %/năm.

(\*\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,1 %/năm đã được Tổng Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản bảo lãnh của Tổng Công ty tại ngân hàng này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ (%)		30/6/2024			01/01/2024		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>1.160.969.434.283</b>	(*)	-	<b>1.160.969.434.283</b>	(*)	-
{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100	100	644.670.174.361	-	-	644.670.174.361	-	-
{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100	100	163.327.600.924	-	-	163.327.600.924	-	-
{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	100	100	186.946.683.204	-	-	186.946.683.204	-	-
{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	100	100	35.893.995.830	-	-	35.893.995.830	-	-
{5} Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	98,19	98,189	126.294.786.164	-	-	126.294.786.164	-	-
{6} Công ty CP Dụng cụ số 1	51	51	3.836.193.800	-	-	3.836.193.800	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			<b>1.772.952.058</b>	(*)	-	<b>1.772.952.058</b>	(*)	-
{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	20	20	1.772.952.058	-	-	1.772.952.058	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			<b>17.718.555.006</b>	(*)	-	<b>17.718.555.006</b>	(*)	-
{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	2,22	2,22	3.381.542.806	-	-	3.381.542.806	-	-
{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	10	10	1.432.012.200	-	-	1.432.012.200	-	-
{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	10,37	10,37	12.905.000.000	-	-	12.905.000.000	-	-
<i>Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP</i>			-	-	-	-	-	-
<i>Vốn góp của các cổ đông khác</i>			12.905.000.000	-	-	12.905.000.000	-	-
<b>Tổng</b>			<b>1.180.460.941.347</b>	-	-	<b>1.180.460.941.347</b>	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Hiện tại, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự như các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp (đơn vị trực thuộc của Công ty) trước đây do Ông Nguyễn Duy Xuyên - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp điều hành. Do có những dấu hiệu có ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/8/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Theo Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Sửa một phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2020/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- (i) Buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (Agribank - Chi nhánh Nam Hà Nội) số tiền 24.990.000.000 VND và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (Vietinbank - Chi nhánh Đông Hà Nội) số tiền 24.262.809.296 VND. Tổng cộng buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải bồi thường trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội là 49.252.809.296 VND. Chia theo kỳ phần, Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường là 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường là 19.252.809.296 VND.
- (ii) Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung số 96/CV-CKQT ngày 24 tháng 2 năm 2020 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trả lại cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Ngày 18/7/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã họp (Biên bản họp) và đồng ý xử lý theo đúng các nội dung đã nêu tại tờ trình số 26.06/CKQT-TCKT ngày 26/6/2023.

Ngoài ra, cũng theo Biên bản họp này, Công ty còn tồn tại các vấn đề chưa được xử lý do Công ty chưa thể làm việc được đối với ông Nguyễn Duy Xuyên và bà Thân Thị Nhậm để xác định các thiệt hại mà các đối tượng này đã trực tiếp (hoặc gián tiếp) gây ra cho Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp cũng như các biện pháp khắc phục hậu quả. Sau khi xác định được tổn thất, Công ty sẽ thực hiện các xử lý tài chính tiếp theo.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính Tổng Công ty giữa niên độ này, do vụ án đang trong giai đoạn thi hành án, nên Công ty chưa xác định được tổn thất đối với các khoản nợ phải thu, xác định nghĩa vụ và giá trị đối với các khoản nợ phải trả tồn đọng liên quan đến các đối tượng của vụ án.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty và Công ty cũng đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty bao gồm khoản ứng trước cho người bán với số tiền là 20.549.503.289 VND nhưng hợp đồng của các khoản ứng trước này đã bị hủy và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.795.990.000 VND đều tồn tại trước thời điểm 30/9/2014 và các khoản phải thu khách hàng phát sinh sau thời điểm 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán hoặc thu hồi rất chậm có tổng giá trị 20.902.392.213 VND nhưng chưa được xử lý. Công ty đang chờ kết quả phê duyệt cổ phần hóa từ cấp có thẩm quyền và chưa lập dự phòng đối với các nội dung này.

{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây được gọi tắt là “Techno Import”) do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự các Công ty do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Techno Import bao gồm khoản công nợ phải thu tồn đọng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét là 65.154.909.973 VND và giá trị tồn thất của hàng tồn kho (máy in màu) chưa được hạch toán vào chi phí trong kỳ là 1.161.556.338 VND.

Ngày 26/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Techno Import. Ngày 22/6/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Techno Import, đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Techno Import. Ngày 29/8/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Techno Import. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Techno Import.

Ngày 19/4/2019, Tổng Công ty có văn bản số 321/CV-MIE-ĐDV trình Bộ Công Thương xem xét, chấp thuận Phương án chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import. Theo đó, Tổng Công ty xin đề nghị vận dụng Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để thực hiện quy trình, thủ tục chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import thông qua phương thức bán đấu giá doanh nghiệp có kế thừa công nợ. Ngày 08/7/2019, Bộ Công Thương đã có văn bản số 4857/BCT-CN nêu rõ Tổng Công ty không thuộc đối tượng và điều kiện áp dụng của Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014.

{5} Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải: Được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải trực thuộc Tổng Công ty. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

{6} Công ty CP Dụng cụ số 1: Được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 VND, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết và được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 4.099.574.020 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 VND chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 VND.

{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: Được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 VND, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty đánh giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 VND. Tại ngày 30/6/2024, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 VND (bao gồm khoản cổ tức mà Tổng Công ty nhận được của giai đoạn trước, sau khi chuyển sang Công ty cổ phần).

{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 VND, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty đánh giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 VND. Ngày 27/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Tuy nhiên việc thoái vốn không thành công và Tổng công ty đã báo cáo với Bộ Công Thương.

{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 VND. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 VND, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty đánh giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 VND, tương ứng với giá trị đầu tư của các cổ đông khác.

Ngoài ra, ngày 27/9/2023, Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng “Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP”. Tổng Công ty đã gửi Công văn số 853/CV-MIE-ĐDV ngày 27/9/2023 đến Bộ Công Thương chờ phê duyệt “Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP”.

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3. Phải thu của khách hàng	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>189.928.592.653</b>	<b>143.575.817.383</b>
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	15.383.491.943	4.964.766.807
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	24.265.702.625	28.232.045.741
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	41.536.297.736	41.536.297.736
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	28.410.654.482	18.668.006.133
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	18.877.525.997	586.530.648
Đối tượng khác	61.454.919.870	49.588.170.318
<b>Tổng</b>	<b>189.928.592.653</b>	<b>143.575.817.383</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>28.723.047.415</i>	<i>10.640.686.227</i>
<b>5.4. Trả trước cho người bán</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.998.356.072</b>	<b>3.495.906.748</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	1.005.757.988	1.005.757.988
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	5.582.187.200	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng hạ Hoàng Anh	3.900.000.000	-
Các khách hàng khác	5.510.410.884	2.490.148.760
<b>Tổng</b>	<b>15.998.356.072</b>	<b>3.495.906.748</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>1.003.546.649</i>	-
<b>5.5. Phải thu về cho vay</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	<b>3.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	-	3.000.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.837.500.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
{1} Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	13.837.500.000	6.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>13.837.500.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay là các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>13.837.500.000</i>	<i>9.000.000.000</i>
{1} Khoản cho vay bao gồm:		
- Hợp đồng vay tiền số 2104/2023/HĐVT-MIE-TJC ngày 21/4/2023, theo đó: Số tiền vay: 6.000.000.000 VND; Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất: Biến động theo từng thời kỳ.		
- Hợp đồng cho vay tiền số 21/2024/HĐVT-MIE-TJC ngày 22/3/2024, theo đó: Số tiền vay: 8.550.000.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất: 6,2 %/năm.		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.6. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.510.704.035</b>	-	<b>8.366.549.523</b>	-
Phải thu về cổ phần hóa	3.423.839.908	-	3.423.839.908	-
Bảo hiểm xã hội, Y tế	2.838.584	-	2.838.584	-
Tạm ứng	2.955.782.763	-	3.030.782.763	-
Phải thu Công ty con	587.511.666	-	388.782.351	-
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	580.592.329	-	354.904.110	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	-	-	26.958.904	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.919.337	-	6.919.337	-
Phải thu khác	540.731.114	-	1.520.305.917	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>37.500.000</b>	-	<b>37.500.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	37.500.000	-	37.500.000	-
<b>Tổng</b>	<b>7.548.204.035</b>	-	<b>8.404.049.523</b>	-
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải thu khác là các Bên liên quan</b>	<b>587.511.666</b>	-	<b>388.782.351</b>	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)				

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>						
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>45.589.086.978</b>	<b>35.736.297.736</b>	<b>(9.852.789.242)</b>	<b>45.589.086.978</b>	<b>35.736.297.736</b>	<b>(9.852.789.242)</b>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)
Công ty CP Cơ khí Điện lực	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ kỹ thuật TJS	1.074.362.256	-	(1.074.362.256)	1.074.362.256	-	(1.074.362.256)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	41.536.297.736	35.736.297.736	(5.800.000.000)	41.536.297.736	35.736.297.736	(5.800.000.000)
Chi nhánh Tư vấn thiết kế & xây dựng	269.196.839	-	(269.196.839)	269.196.839	-	(269.196.839)
Công ty CP Cơ khí LICOGI 16	512.859.599	-	(512.859.599)	512.859.599	-	(512.859.599)
<b>Tổng</b>	<b>45.589.086.978</b>	<b>35.736.297.736</b>	<b>(9.852.789.242)</b>	<b>45.589.086.978</b>	<b>35.736.297.736</b>	<b>(9.852.789.242)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.8. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	13.430.568.054	-	31.207.087.552	-
Hàng hoá	17.761.411.743	-	29.189.942.935	-
<b>Tổng</b>	<b>31.191.979.797</b>	<b>-</b>	<b>60.397.030.487</b>	<b>-</b>

**5.9. Chi phí trả trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.862.452</b>	<b>9.518.759</b>
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	2.862.452	9.518.759
<b>b) Dài hạn</b>	<b>433.146.650</b>	<b>542.468.103</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	82.266.689	121.224.330
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	335.129.961	421.243.773
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.750.000	-
<b>Tổng</b>	<b>436.009.102</b>	<b>551.986.862</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2024	41.972.594.163	520.774.500	5.914.430.630	321.626.728	48.729.426.021
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>41.972.594.163</b>	<b>520.774.500</b>	<b>5.914.430.630</b>	<b>321.626.728</b>	<b>48.729.426.021</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2024	17.395.183.749	269.133.490	3.114.729.720	304.295.651	21.083.342.610
Tăng trong kỳ	827.292.786	42.125.668	331.106.196	8.338.392	1.208.863.042
Khấu hao trong kỳ	827.292.786	42.125.668	331.106.196	8.338.392	1.208.863.042
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>18.222.476.535</b>	<b>311.259.158</b>	<b>3.445.835.916</b>	<b>312.634.043</b>	<b>22.292.205.652</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2024	24.577.410.414	251.641.010	2.799.700.910	17.331.077	27.646.083.411
Tại ngày 30/6/2024	23.750.117.628	209.515.342	2.468.594.714	8.992.685	26.437.220.369

- Nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 639.398.271 VND (tại ngày 31/12/2023 là 606.263.271 VND).
- Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/31009/HĐTĐ ngày 21/12/2023 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2024 là: 23.450.951.648 VND và tại ngày 31/12/2023 là: 24.232.650.038 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	100.000.000	100.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	100.000.000	100.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	100.000.000	100.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 30/6/2024	-	-

Nguyên giá các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 100.000.000 VND (tại ngày 31/12/2023 là 100.000.000 VND).

**5.12. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2024
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298
Nhà	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298
Giá trị hao mòn lũy kế	3.422.822.377	353.152.842	-	3.775.975.219
Nhà	3.422.822.377	353.152.842	-	3.775.975.219
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>20.708.192.921</b>	<b>-</b>	<b>353.152.842</b>	<b>20.355.040.079</b>
Nhà	20.708.192.921	-	353.152.842	20.355.040.079

Bất động sản đầu tư cho thuê tại tầng 4, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 12 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 487.293.659 VND và 353.152.842 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.13. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.593.302.140</b>	<b>26.593.302.140</b>	<b>33.557.510.907</b>	<b>33.557.510.907</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	10.189.316.672	10.189.316.672	12.228.348.244	12.228.348.244
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Hà Nội	1.463.877.368	1.463.877.368	1.560.937.298	1.560.937.298
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	969.989.116	969.989.116	1.829.720.677	1.829.720.677
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ khí Đồng Tâm	-	-	3.787.756.151	3.787.756.151
Các đối tượng khác	13.970.118.984	13.970.118.984	14.150.748.537	14.150.748.537
<b>Tổng</b>	<b>26.593.302.140</b>	<b>26.593.302.140</b>	<b>33.557.510.907</b>	<b>33.557.510.907</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả người bán là các Bên liên quan</b>	<b>12.030.663.605</b>	<b>12.030.663.605</b>	<b>14.166.755.107</b>	<b>14.166.755.107</b>

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

**5.14. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.340.244.532</b>	<b>3.214.655.293</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.705.160.886	1.416.960.000
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bạch Đằng Trường Giang	19.731.813.000	-
Công ty Cổ phần thủy điện Bó Sinh	3.827.431.000	-
Đối tượng khác	3.075.839.646	1.797.695.293
<b>Tổng</b>	<b>29.340.244.532</b>	<b>3.214.655.293</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.15. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2024
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	63.123.707	576.372.020	630.172.272	9.323.455
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	37.599.233	37.599.233	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	38.292.476	32.915.148	5.377.328
- Thuế thu nhập cá nhân	2.400.000	63.047.031	6.241.118	59.205.913
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	190.779.957	190.779.957	-
- Phải nộp khác	-	5.100.000	5.100.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.523.707</b>	<b>911.190.717</b>	<b>902.807.728</b>	<b>73.906.696</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	295.945.435	-	4.515.719	300.461.154
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.828.238	134.383.839	-	40.444.399
- Thuế thu nhập cá nhân	8.987.229	162.360.673	153.373.444	-
- Phải nộp khác	93.416.121	-	-	93.416.121
<b>Tổng</b>	<b>573.177.023</b>	<b>296.744.512</b>	<b>157.889.163</b>	<b>434.321.674</b>

**5.16. Chi phí phải trả**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.972.542.714</b>	<b>5.970.633.670</b>
Lãi vay phải trả	5.939.042.714	5.937.133.670
Chi phí phải trả khác	33.500.000	33.500.000
<b>Tổng</b>	<b>5.972.542.714</b>	<b>5.970.633.670</b>

**5.17. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>262.750.001</b>	<b>780.522.727</b>
Cho thuê Văn phòng	262.750.001	780.522.727
<b>Tổng</b>	<b>262.750.001</b>	<b>780.522.727</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18. Phải trả khác	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.846.343.447</b>	<b>18.718.658.394</b>
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Kinh phí công đoàn	6.640.416	24.762.256
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	703.403.958	625.835.958
Các khoản phải trả, phải nộp khác	973.311.033	905.072.140
<b>Tổng</b>	<b>18.846.343.447</b>	<b>18.718.658.394</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>14.064.806.303</b>	<b>14.064.806.303</b>	<b>16.106.565.141</b>	<b>7.411.762.385</b>	<b>5.370.003.547</b>	<b>5.370.003.547</b>
<b>Vay ngân hàng</b>						
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	9.884.802.756	9.884.802.756	15.896.565.141	6.011.762.385	-	-
<b>Vay Cá nhân</b>						
Ông Nguyễn Văn Giáp	-	-	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Ông Ngô Minh Hưng	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Bà Dương Thị Thanh Nhân	-	-	200.000.000	400.000.000	200.000.000	200.000.000
Ông Nguyễn Thế Anh	170.003.547	170.003.547	-	-	170.003.547	170.003.547
Bà Nguyễn Thanh Hương	10.000.000	10.000.000	10.000.000	-	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
{2} Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>14.064.806.303</b>	<b>14.064.806.303</b>	<b>16.106.565.141</b>	<b>7.411.762.385</b>	<b>5.370.003.547</b>	<b>5.370.003.547</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**Thông tin các khoản vay**

{1} Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2024/31009/HĐCHMTC ngày 26/6/2024. Cụ thể:

Hạn mức thấu chi là 10.000.000.000 VND;

Lãi suất: 7,5%/năm;

Thời gian thấu chi: Kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết 26/6/2025;

Hạn mức hiệu lực thấu chi là 12 tháng;

Mục đích: bổ sung vốn ngắn hạn thiếu hụt tạm thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh và không thuộc các nhu cầu vốn (đã quy định chi tiết trong hợp đồng);

Biện pháp bảo đảm:

- Bên vay sử dụng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi tại ngân hàng;
- Bên vay cầm cố các Hợp đồng tiền gửi theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/31009/HĐBBĐ ngày 09/8/2019 và 01/2023/31009/HĐBBĐ ngày 02/3/2023 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được thực hiện và ghi nhận theo hợp đồng này, các Hợp đồng cầm cố/thể chấp/ký cược/ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác được giao kết giữa ngân hàng và khách hàng/bên thứ 3 trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này.

{2} Khoản vay Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay 05 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>106.319.294</b>	<b>1.418.740.807.295</b>
Lãi trong năm trước	-	814.338.152	814.338.152
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(105.587.270)	(105.587.270)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>815.070.176</b>	<b>1.419.449.558.177</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>815.070.176</b>	<b>1.419.449.558.177</b>
Lãi trong kỳ này	-	505.919.788	505.919.788
{i} Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	(814.338.152)	(814.338.152)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>506.651.812</b>	<b>1.419.141.139.813</b>

{i} Tổng Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 căn cứ theo Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty mẹ Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP kèm theo Công văn số 297/CV-MIE-DDV ngày 15/4/2024 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

Đối tượng	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác (*)	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
<b>Tổng</b>	<b>1.418.634.488.001</b>	<b>1.418.634.488.001</b>

(\*) Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ 1.280.511.999 VND là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)***d) Cổ phiếu*

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	65.213.317.569	16.553.389.225
Doanh thu dự án	79.590.026.811	70.541.616.559
<b>Tổng</b>	<b>144.803.344.380</b>	<b>87.095.005.784</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>30.081.936.774</i>	<i>16.699.355.163</i>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	62.486.788.535	14.816.335.818
Giá vốn dự án	77.650.680.054	61.384.751.902
<b>Tổng</b>	<b>140.137.468.589</b>	<b>76.201.087.720</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.319.675.223	1.560.837.507
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.653.500	273.088.106
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.737.400	2.928.380
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	59.104.417	14.166.186
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	39.831
<b>Tổng</b>	<b>1.628.170.540</b>	<b>1.851.060.010</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>408.214.452</i>	<i>97.808.219</i>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	114.204.212	160.404.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	795.960
<b>Tổng</b>	<b>114.204.212</b>	<b>161.200.597</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.173.241.742	5.551.973.318
Chi phí đồ dùng văn phòng	112.410.668	124.525.751
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.294.976.854	1.204.685.220
Thuế, phí và lệ phí	194.879.957	236.437.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.229.399	525.244.654
Chi phí bằng tiền khác	4.572.757.187	4.818.917.110
<b>Tổng</b>	<b>10.803.495.807</b>	<b>12.461.783.404</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.6 Thu nhập khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Xử lý công nợ lâu năm	-	1.015.416.294
Tiền bồi thường, tiền phạt	5.241.897.899	820.762.469
Thu nhập khác	60.351.892	67.111.140
<b>Tổng</b>	<b>5.302.249.791</b>	<b>1.903.289.903</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tiền chậm nộp thuế, BHXH, phạt hành chính	-	226.806.499
Tiền phạt, tiền bồi thường	-	707.597.937
Chi phí khác	-	346.699.643
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.281.104.079</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>678.596.103</b>	<b>744.179.897</b>
<b>Các khoản điều chỉnh</b>		
Tăng Thu nhập chịu thuế	50.966.185	378.956.880
+ <i>Khấu hao ô tô</i>	50.965.920	50.965.920
+ <i>Chi phí không hợp lý và chi phí khác</i>	265	327.990.960
Giảm Thu nhập do được miễn thuế	(214.757.917)	(287.254.292)
+ <i>Cổ tức nhận được trong năm</i>	(155.653.500)	(273.088.106)
+ <i>Khác</i>	(59.104.417)	(14.166.186)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán sau điều chỉnh</b>	<b>514.804.371</b>	<b>835.882.485</b>
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>514.804.371</b>	<b>835.882.485</b>
Thuế suất Thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>172.676.315</b>	<b>201.719.454</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	35.957.576.007	51.038.449.167
Chi phí nhân công	7.207.937.728	8.334.749.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.562.015.884	1.551.695.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.064.644.431	2.077.004.157
Chi phí bằng tiền khác	5.334.168.494	6.104.829.177
<b>Tổng</b>	<b>56.126.342.544</b>	<b>69.106.727.639</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch với các Bên liên quan**

**a) Thông tin về các Bên liên quan**

<b>Đối tượng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
<b>Tổ chức</b>	
Bộ Công thương	Cổ đông lớn và có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị trực thuộc
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
<b>Cá nhân</b>	
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là Bên liên quan của Tổng Công ty	Ảnh hưởng đáng kể
<i>Bao gồm:</i>	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	
Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Phạm Thành Đông	Thành viên
Lê Huy Hải	Thành viên (Bầu ngày 15/3/2024)
Hoàng Minh Việt	Thành viên
Cù Ngọc Phương	Thành viên
Trần Thị Thu Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/3/2024)
<b>Ban Kiểm soát</b>	
Đình Quang Hòa	Trưởng ban
Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Lê Thị Minh Huyền	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	
Phạm Thành Đông	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/6/2024)
Lê Huy Hải	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 16/7/2024)
Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc
<b>Người quản lý khác</b>	
Nguyễn Ngọc Hùng	Đại diện vốn của Nhà nước
Đình Hồng Mai	Chủ tịch công đoàn Tổng Công ty

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)****b) Giao dịch với các Bên liên quan**

Thu nhập của nhân sự chủ chốt	Tiền lương và thù lao	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>628.843.042</b>	<b>688.979.080</b>
Trần Quốc Toàn		172.800.000	182.752.080
Phạm Thành Đông		172.800.000	155.603.000
Hoàng Minh Việt		124.262.090	115.262.000
Cù Ngọc Phương		30.000.000	20.000.000
Trần Thị Thu Trang		12.380.952	149.362.000
Lê Huy Hải		42.000.000	32.000.000
Đậu Huy Ngọc Linh		28.000.000	2.000.000
Vũ Trung Thực		46.600.000	32.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>148.262.090</b>	<b>307.610.193</b>
Đình Quang Hòa		124.262.090	115.262.000
Nguyễn Thị Khánh Ly		12.000.000	80.640.873
Lê Thị Minh Huyền		12.000.000	111.707.320
<b>Người quản lý khác</b>		<b>97.190.090</b>	-
Nguyễn Ngọc Hùng		36.000.000	-
Đình Hồng Mai		61.190.090	-
Đối tượng	Giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
<b>Tổng Công ty bán hàng cho các đơn vị:</b>		<b>30.081.936.774</b>	<b>16.699.355.163</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng	9.665.545.127	14.662.995.753
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Bán hàng	20.407.751.647	2.036.359.410
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	Bán hàng	8.640.000	-
<b>Tổng Công ty mua hàng của các đơn vị:</b>		<b>10.895.747.792</b>	<b>8.556.687.136</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Mua hàng	8.292.289.945	5.828.799.109
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng	2.242.957.853	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua hàng	360.499.994	2.565.583.515
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Mua hàng	-	162.304.512
<b>Tổng Công ty có các giao dịch khác:</b>			
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Cho vay	10.550.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Thu gốc cho vay	2.712.500.000	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Thu gốc cho vay	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Lãi cho vay	359.885.685	97.808.219
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Lãi cho vay	48.328.767	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)**

**c) Số dư với các Bên liên quan**

<b>Khoản mục</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>28.723.047.415</b>	<b>10.640.686.227</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	709.499.999	1.785.517.375
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	15.383.491.943	4.964.766.807
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	12.630.055.473	3.890.402.045
<b>Phải thu khác</b>		<b>587.511.666</b>	<b>388.782.351</b>
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	580.592.329	354.904.110
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	-	26.958.904
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>13.837.500.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	13.837.500.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	-	3.000.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		<b>12.030.663.605</b>	<b>14.166.755.107</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	10.189.316.672	12.228.348.244
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	1.463.877.368	1.560.937.298
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	41.659.090	41.659.090
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	335.810.475	335.810.475
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>1.003.546.649</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	1.003.546.649	-

**7.2. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



**Nguyễn Trung Kiên**

Phụ trách kế toán



**Đào Văn Thắng**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



**Lê Huy Hải**